

Số: 115/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 10 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 87/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1998; Căn cước công dân số 046198012XXX, cấp ngày 27/12/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an; nơi cư trú: Thôn P, xã V, thành phố Huế.

- Bị đơn: Anh Trần C, sinh năm: 1989; Căn cước công dân số 046089003XXX, cấp ngày 14/01/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an; nơi cư trú: Thôn T, xã L, thành phố Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Trần C.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - 2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Trần C đã thoả thuận với nhau là giao cháu Trần Nguyễn Đăng K, sinh ngày 27/02/2022 cho chị Nguyễn

Thị Ph được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Trần C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Trần C thỏa thuận với nhau là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Trần C đã tự nguyện thỏa thuận với nhau là chị Ph chịu 150.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000786 ngày 18/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Huế. Trả lại cho chị Ph 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND KV 4 – Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Phòng THADS KV 4 - Huế;
- UBND xã V, thành phố Huế (ĐKKH ngày 22/12/2021 tại UBND xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ));
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Ngọc Tú